



03.02

CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022,  
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính thưa Quý vị Cổ đông, các ông/bà HĐQT, BKS.

Thay mặt Ban TGD Công ty Cổ phần Petec Bình Định, tôi xin nhiệt liệt chào mừng và cảm ơn toàn thể Quý vị đã dành thời gian tham dự buổi họp ĐHĐCĐ ngày hôm nay.

Căn cứ các quy định của pháp luật, căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Petec Bình Định, thay mặt Ban TGD, tôi báo cáo với các Quý vị cổ đông và các ông/bà HĐQT, BKS về các mặt hoạt động của Công ty, kết quả hoạt động của sản xuất kinh doanh năm 2022 và Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ và định hướng hoạt động kinh doanh năm 2023 với các nội dung chính như sau:

**I. BÁO CÁO CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022:**

**1. Đặc điểm tình hình:**

**1.1 Thuận lợi:**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quản lý được HĐQT đặc biệt quan tâm, liên tục thực hiện sát sao, qua đó kịp thời ứng phó với những khó khăn khách quan cũng như trong quá trình tái cơ cấu tổ chức, khôi phục sản xuất kinh doanh giai đoạn sau dịch.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể người lao động Công ty phát huy tốt ý thức trách nhiệm, đoàn kết, gắn bó, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách.

**1.2 Khó khăn:**

Hoạt động kinh doanh toàn Công ty năm 2022 tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn. Hệ lụy từ xung đột Nga - Ukraine đã chia cắt cung cầu thế giới, đồng thời chia cắt các hướng

tiếp cận thị trường quốc tế, đẩy giá cả nhiều mặt hàng thiết yếu tăng cao khiến chi phí đầu vào bị đội lên. Việc đứt gãy hàng hóa các tháng đầu năm đối với ngành hàng xi-măng, và những khó khăn tưởng không thể vượt qua giai đoạn cuối năm của ngành hàng xăng dầu do thiếu hụt nguồn cung, càng kinh doanh càng lỗ của ngành hàng xăng dầu, v.v... là những trở ngại mà Công ty phải đối mặt. Ngoài ra, chi phí đầu vào tăng cao đặc biệt là chi phí cầu cảng và chi phí thuê đất,... đã tạo ra những trở lực làm suy giảm hiệu quả kinh doanh của Công ty. Nền kinh tế tuy ổn định dần sau dịch bệnh, song do luôn dự phòng tình huống xấu từ diễn biến của nền kinh tế Thế giới, tình hình chiến sự tại Ukraine, nỗ lực kiềm chế lạm phát của Chính phủ.

## 2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022:

### 2.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch:

	Thực hiện năm 2022	So với kế hoạch
Doanh thu	1.013 tỷ 850 triệu đồng	49,9%
Lợi nhuận sau thuế	7 tỷ 521 triệu đồng	47,0%
Cổ tức	0%	-

(Đính kèm Biểu số 01 - Bảng chi tiết kết quả kinh doanh năm 2022)

Trong đó, các mảng kinh doanh đóng góp cụ thể như sau:

- Xăng dầu: Doanh thu đạt 284 tỷ đồng, sản lượng bán ra đạt 12,55 triệu lít (tuy vượt so với năm 2021 nhưng chưa hoàn thành kế hoạch đề ra, đặc biệt ở mảng kinh doanh bán buôn do chưa phát triển được hệ thống). Sản lượng bán ra khu vực bán lẻ cũng gặp nhiều khó khăn do hàng hóa khan hiếm giai đoạn 06 tháng cuối năm, sản lượng bán ra chỉ đạt 89% so cùng kỳ năm 2021, hoàn thành 72% kế hoạch năm.
- Mảng kinh doanh Vật liệu xây dựng (VLXD): Tổng doanh số bán ra đạt 606,8 tỷ đồng, trong đó mảng kinh doanh xi-măng chiếm 19% đạt 135 tỷ đồng, còn lại là thép và một số chủng loại VLXD khác. Mảng kinh doanh xi-măng là ngành hàng truyền thống của Công ty, tuy nhiên sản lượng bán ra năm 2022 thấp - chỉ đạt xấp xỉ so với năm 2021 (89,5 ngàn tấn, chỉ hoàn thành 51,1% kế hoạch sản lượng đề ra).
- Hoạt động khai thác mặt bằng: Trong năm 2022, hoạt động khai thác mặt bằng đạt mức doanh thu là 4,58 tỷ vượt 40,4% so với kế hoạch, vượt 57% so với năm 2021.

- Hoạt động kinh doanh thực phẩm / nông sản: Đạt 117,9 tỷ đồng. Công ty chủ động thực hiện mở mới thị trường, chưa giao kế hoạch trong năm 2022.
- Mảng kinh doanh tài chính: Doanh số mảng này năm 2022 đạt 7,2 tỷ, trong đó chiếm tỷ lệ lớn là hoạt động đầu tư chứng khoán (chiếm 61%), phần còn lại là hoạt động thu do phạt chậm thanh toán các hợp đồng thương mại (chiếm 39%).

## 2.2 Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

### 2.2.1 Đối với ngành hàng kinh doanh xăng dầu:

- Tháng 3/2022, Bộ Công Thương đã cấp lại Giấy phép thương nhân phân phối xăng dầu cho Công ty, tuy nhiên do ảnh hưởng của chiến sự Nga - Ukraine nên nguồn cung khó khăn, chiết khấu hàng hóa khó cạnh tranh để mở rộng đại lý, số lượng đại lý kéo về không đạt theo kế hoạch, vì vậy sản lượng bán ra thấp - chỉ đạt 8% so với kế hoạch đề ra. Khâu bán lẻ dù cũng gặp nhiều khó khăn tuy nhiên do đảm bảo được nguồn cung nên sản lượng bán ra hàng tháng đều đạt từ 70% - 80% so với kế hoạch. Với những khó khăn trên, lợi nhuận mảng kinh doanh xăng dầu năm 2022 lỗ 1,1 tỷ đồng..
- Về nhiệm vụ phát triển hệ thống xăng dầu, sau nhiều năm không đầu tư cho hệ thống, sức cạnh tranh của các ngành hàng kinh doanh của Công ty bị suy giảm, tuy nhiên vì nhiều lý do khách quan, theo nhiệm vụ năm 2022 công tác phát triển đại lý cũng như cửa hàng xăng dầu, kho hàng đến nay vẫn chưa hoàn thành như kế hoạch đề ra. Việc mở rộng địa bàn hoạt động như thành lập Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh trong đó có mảng kinh doanh xăng dầu không đạt như mong đợi do thiếu yếu tố bền vững, yêu cầu kinh doanh sử dụng vốn lớn, tồn tại nhiều rủi ro; hiện Công ty đang trong quá trình rà soát, cấu trúc lại.

### 2.2.2 Đối với ngành hàng VLXD:

Năm 2022 - Công ty đã nỗ lực để phát triển các mặt hàng VLXD khác bên cạnh mặt hàng truyền thống là xi-măng. Tổng doanh thu mảng này đạt 607 tỷ đồng, mang về lợi nhuận trước thuế 05 tỷ đồng. Riêng đối với ngành hàng xi-măng - do biến động lớn giá năng lượng, tác động làm tăng chí phí vận chuyển; Vì vậy, mặc dù trong năm Công ty đã làm việc chặt chẽ các đơn vị vận chuyển, đầu tư kho hàng, song vẫn xảy ra tình trạng đứt gãy hàng hóa, gián đoạn công tác bán hàng. Ngoài ra, tình hình cạnh tranh giữa các đơn vị phân phối, và các nhãn hàng ngày càng khốc liệt cũng khiến cho hoạt

động kinh doanh của nhóm hàng này suy giảm cả về sản lượng và lợi nhuận. Kết quả kinh doanh của nhóm hàng này năm 2022 chỉ đạt 91 triệu đồng lợi nhuận trước thuế, trong đó sản lượng xi-măng bán ra năm 2022 là 89,5 ngàn tấn, chỉ đạt 51% kế hoạch, giảm 15% so với năm 2021).

### **2.2.3 Đối với các dịch vụ khai thác tài sản trên đất:**

Nhìn chung hoạt động cho thuê mặt bằng của Công ty năm 2022 ổn định dần giai đoạn sau dịch bệnh. Bên cạnh đó, Công ty đã tìm kiếm các đối tác uy tín, hoạt động kinh doanh chuỗi để khai thác dựa trên lợi thế mặt bằng, vì vậy kết quả thu về đạt tốt. Doanh thu năm 2022 mảng này 4,6 tỷ đồng doanh thu vượt 57% so với năm trước và vượt 40% so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận trước thuế đạt 1,3 tỷ đồng.

### **2.2.4 Kinh doanh thực phẩm / nông sản:**

Trong năm 2022, Công ty chủ động tìm hiểu thị trường - đồng thời thực hiện kinh doanh nhóm hàng thực phẩm đông lạnh và nông sản, chủ yếu cung cấp cho hệ thống các chuỗi siêu thị. Tuy chưa được giao kế hoạch nhưng hoạt động kinh doanh nhóm hàng này khá tốt, doanh thu đạt 117,9 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1,2 tỷ đồng.

### **2.2.5 Hoạt động đầu tư tài chính**

Năm 2022, nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán nói riêng có nhiều biến động. Tuy nhiên, do có chiến lược đầu tư và kế hoạch hành động cụ thể nên mảng đầu tư chứng khoán đạt được kết quả tốt, đạt được lợi nhuận trước thuế là 3,2 tỷ đồng - tạo nguồn thu trong bối cảnh các mảng kinh doanh truyền thống khác gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra, bằng các cơ chế quản lý kinh doanh nhằm kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, đối với các Hợp đồng thương mại đối tác đã ký kết và thực hiện nhưng chậm thanh toán, Công ty đã phạt theo các điều khoản đã cam kết, thông qua đó cũng đã tạo được nguồn thu đáng kể cho hoạt động kinh doanh chung của Công ty, đảm bảo an toàn vốn.

## **3. Về tình hình đầu tư:**

Trong năm 2022, Công ty không phát sinh công tác đầu tư.

## **4. Về công tác tài chính:**

**5.1 Tình hình tài sản:** Giá trị tài sản cố định đến ngày 31/12/2022 là 29.637.449.496 đồng. Các tài sản của Công ty đều được khai thác sử dụng có hiệu quả.

**5.2 Tình hình nợ phải thu:**

- Tại thời điểm 31/12/2022, tất cả các khoản nợ phải thu của Công ty đều được đối chiếu với khách hàng.
- Tổng nợ phải thu đến 31/12/2022 là: 343.950.355.415 đồng, tăng 17 lần so với năm trước.
- Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ tiếp tục là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tăng hiệu quả sử dụng vốn.

### **5.3 Tình hình nợ phải trả:**

- Tổng nợ phải trả người bán đến 31/12/2022: 114.644.921.134 đồng.
- Công ty luôn thực hiện việc giám sát chặt chẽ công tác tài chính, gắn trách nhiệm người lao động trong việc sử dụng tài sản của Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

### **5.4 Về tổ chức, lao động:**

- Để đảm bảo yêu cầu phát triển kinh doanh Công ty đã thực hiện tuyển dụng mới có năng lực, đồng thời, nâng cao vai trò quản lý tại các đơn vị kinh doanh trên cơ sở tăng trách nhiệm đối với từng cá nhân phụ trách. Cơ chế phối kết hợp, tham chiếu giữa các phòng ban chức năng và các đơn vị kinh doanh nhằm gia tăng tính hiệu quả trong quản lý, đặc biệt về vấn đề quản lý vốn, phục vụ công tác kinh doanh được chú trọng.
- Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của HĐQT, Ban TGD. Công tác kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên liên tục. Các cán bộ quản lý nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác của cán bộ quản lý, điều hành; động viên người lao động tin tưởng, đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, tạo nền tảng đảm bảo sự tồn tại và phát triển của Công ty trong thời gian tới.

## **II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023:**

### **1. Dự báo tình hình:**

- Năm 2023 được dự báo là cân bằng giữa rủi ro với triển vọng. Nền kinh tế sẽ tăng trưởng yếu hơn dự kiến, đồng thời khả năng lạm phát cao hơn có thể ảnh hưởng đến nhu cầu trong nước. Việc thắt chặt hơn nữa các điều kiện tài chính toàn cầu có thể ảnh hưởng đến lĩnh vực tài chính của Việt Nam. Mặt khác, các điểm nghẽn trong đầu tư công nếu được tháo gỡ sẽ là động lực cho nền kinh tế. Kinh tế vĩ mô

tạo hành lang để thị trường phát triển ổn định cũng sẽ là động lực của cả nền kinh tế.

- Đối với các lĩnh vực kinh doanh của Công ty như xăng dầu, VLXD, xi măng, thực phẩm đều là những mặt hàng mang tính thiết yếu trong cuộc sống do đó vẫn có sự ổn định và dư địa để phát triển trong năm 2023 nếu Công ty đảm bảo được nguồn cung, công tác phát triển thị trường - hệ thống được làm tốt, đồng thời thực hiện các giải pháp để nâng cao hiệu suất công việc, hoàn thành.

## 2. Kế hoạch kinh doanh năm 2023:

### 2.1 Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2023:

Trên cơ sở tình hình thực tế thị trường, Công ty tiến hành xây dựng kế hoạch năm 2023, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2023		So với 2022
Tổng doanh thu	1.500	tỷ đồng	148%
Lợi nhuận sau thuế	10,4	tỷ đồng	138%
Cổ tức dự kiến	0	%	-

(Đính kèm Biểu số 02 - Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2023).

### 2.2 Một số định hướng chính trong hoạt động của năm 2023:

- Đối với từng ngành hàng, việc phát triển hệ thống, đặc biệt ở mảng kinh doanh xăng dầu là mục tiêu quan trọng nhất trong giai đoạn hiện nay. Các mục tiêu tiếp theo nhằm ổn định hoạt động kinh doanh gồm có: Tạo sự linh hoạt trong quản lý thuê khoán khu vực kinh doanh xăng dầu bán lẻ nhằm tăng sản lượng bán ra; Khai thác, xây dựng mới hệ thống các kho đảm bảo nhu cầu cấp hàng cho Đại lý xăng dầu; Phát triển theo chiều sâu mảng kinh doanh nông sản thực phẩm; Giữ và phát triển thị trường VLXD đi đôi với thực hiện rà soát sát sao công nợ, tồn kho; Hoạt động kinh doanh tài chính đảm bảo các yêu cầu an toàn vốn, có hiệu quả.
- Tăng cường công tác quản trị, kiểm soát tuân thủ, chú trọng phát triển bền vững; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý tài chính, tránh phát sinh nợ xấu, quyết liệt thu hồi các khoản nợ đọng. Nâng cao khả năng quản lý và khai thác tài sản hiện có.
- Thực hiện nâng cao trách nhiệm quản lý, hiệu quả trong điều hành các cấp; Nâng chất lượng lao động – hiệu quả công việc thông qua hệ thống tiêu chuẩn đo lường

cụ thể cho từng đơn vị, phòng ban; Triển khai đánh giá thường xuyên và khoa học, tạo công bằng trong phân phối thu nhập.

### **3. Các giải pháp thực hiện:**

Trong bối cảnh nhiều khó khăn như hiện nay, để hoàn thành mục tiêu đề ra, hoạt động kinh doanh của Công ty cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

#### **3.1 Giải pháp kinh doanh:**

##### **3.1.1 Đối với mảng kinh doanh bán buôn xăng dầu:**

- Hoàn thành hệ thống với ít nhất là 30 đại lý, tăng thêm ít nhất 05 cửa hàng bán lẻ xăng dầu trực thuộc Công ty trong 06 tháng đầu năm, tạo tiền đề phát triển hệ thống cho thời gian tiếp theo.
- Tái thiết lập kho trung chuyển dầu An Phú, đồng thời tối ưu – mở rộng sức chứa tại các cửa hàng, hình thành các điểm trung chuyển xăng dầu trên bộ.
- Linh hoạt trong quản lý khoán ở các cửa hàng xăng dầu trực thuộc của Công ty, qua đó kích thích sản lượng bán ra.
- Mở rộng kinh doanh các mặt hàng khác thuộc nhóm KDXD như dầu nhớt, mỡ, dầu thủy lực, khí gas,...

##### **3.1.2 Đối với mảng kinh doanh VLXD:**

- Hoạt động kinh doanh năm 2023 sẽ tiếp tục gặp phải những khó khăn nhất định do Chính phủ chưa thúc đẩy được tiến độ đầu tư công như kỳ vọng, kéo theo nhu cầu thị trường giảm, thị trường bất động sản dự báo sẽ vẫn trầm lắng trong ngắn hạn. Các mặt hàng VLXD như xi-măng sắt thép sẽ tiếp tục có một năm nhiều thử thách. Đối với sắt thép và các một số nguyên liệu như đồng, nhôm - bên cạnh việc bám sát diễn biến thị trường, nhằm thực hiện nhanh việc quay vòng vốn, Công ty sẽ mạnh dạn xem xét khả năng xuất khẩu đồng nhôm sang một số thị trường các nước lân cận, Trung Quốc. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục xây dựng bộ phận thị trường, đào tạo lại đội ngũ bán hàng, thiết lập lại hệ thống quản trị bán hàng thân thiện nhưng chặt chẽ, đảm bảo hỗ trợ tốt công tác chăm sóc khách hàng và bán hàng, đồng thời kiểm soát chặt chẽ công nợ, tồn kho, bảo đảm an toàn vốn.
- Đối với mặt hàng truyền thống là kinh doanh xi-măng: Mặt hàng này sẽ bị tác động bởi các yếu tố đầu vào do những biến động giá cả chi phí đầu vào, áp lực cạnh

tranh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc chủ động triển khai các giải pháp cụ thể như sau:

- Tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các mặt hàng xi măng Công ty đang độc quyền, và các mặt hàng đạt chất lượng tốt, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của thị trường. Nghiên cứu mở rộng và ký kết làm nhà Phân phối độc quyền hoặc tổng đại lý của một số hãng xi măng khác để đa dạng hóa mặt hàng.
- Tăng cường chăm sóc khách hàng, xây dựng các kịch bản cung ứng hàng tốt cho khách hàng, tối đa hóa lợi nhuận, kích thích việc trả tiền ngay tiền trước để khách hàng có được giá mua tốt.

### **3.1.3 Đối với mảng khai thác mặt bằng:**

Luôn sẵn sàng hợp tác với các đối tác giàu tiềm năng, có thương hiệu để khai thác tối đa những vị trí đất nằm ở trung tâm của công ty để tăng hiệu quả khai thác.

### **3.1.4 Mảng kinh doanh thực phẩm nông sản:**

Công ty sẽ thực hiện ký kết các hợp đồng dài hạn với hệ thống chuỗi phân phối cho các siêu thị, qua đó ổn định được đầu vào cũng như đầu ra cho sản phẩm phân phối.

### **3.1.5 Đối với hoạt động đầu tư tài chính:**

Công ty sẽ chuẩn hóa hoạt động kinh doanh này nhằm có thể tiếp cận và tạo hiệu quả tốt hơn khi thị trường chứng khoán hồi phục. Ngoài ra, hoạt động thu từ phạt tài chính với các Hợp đồng thương mại vẫn sẽ được tiếp tục nhằm tối ưu hiệu quả dòng tiền kinh doanh.

Ngay sau khi kế hoạch tăng vốn được thông qua và thực hiện, Công ty sẽ tập trung triển khai nhanh – đáp ứng kịp thời yêu cầu kinh doanh tại các đơn vị đặc biệt mảng kinh doanh VLXD và kinh doanh xăng dầu.

## **3.2 Giải pháp về tài chính:**

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện, bổ sung các quy chế quản lý kinh doanh như: quy chế quản lý nợ, quy chế bán hàng ... bảo đảm thuận lợi cho phát triển kinh doanh, bảo toàn vốn và theo đúng quy định pháp luật của Nhà nước. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, triệt để tiết kiệm chi phí;
- Có cơ chế sử dụng vốn phù hợp nhằm kích thích khu vực thuê khoán bán lẻ xăng dầu, tăng sản lượng bán ra.



- Đối với công tác quản lý nợ phải thu: Tập trung và quyết liệt công tác thu hồi nợ, không để phát sinh thêm nợ xấu,... Nâng tỷ trọng đảm bảo an toàn công nợ bằng bảo lãnh ngân hàng/tài sản đảm bảo;
- Lập kế hoạch, cân đối nhu cầu vốn đầu tư dài hạn và vốn lưu động; xác định nhu cầu vốn hợp lý giữa các ngành hàng để phân bổ nguồn vốn và tìm kiếm nguồn tài trợ với lãi suất tốt nhất;
- Tiếp tục các phương án khai thác và sử dụng tài sản: khai thác 100% các mặt bằng, kho bãi; đối với các mặt bằng/kho bãi đang hợp tác kinh doanh/cho thuê cần đánh giá hiệu quả định kỳ; xem xét phương án đầu tư để nâng cao hiệu quả khai thác; tiếp tục cơ cấu lại các tài sản có hiệu quả khai thác chưa cao hoặc không có phương án sử dụng để thu hồi vốn đầu tư và nâng hiệu suất sử dụng vốn.

### 3.3 Giải pháp về tổ chức, lao động:

Trong năm 2022, thông qua tuyển dụng mới, năng suất lao động của Công ty đã được cải thiện. Tuy nhiên, công tác kiện toàn bộ máy vẫn phải được tiếp tục thực hiện để đáp ứng hơn nữa yêu cầu SX-KD của Công ty trong tình hình mới. Nhiệm vụ chính là tập trung đào tạo đội ngũ kế cận; bồi dưỡng nhân sự, đặc biệt ở khâu thị trường, và cơ cấu bộ máy quản lý tại các phòng ban/đơn vị.

Tóm lại, Công ty đã rất nỗ lực vượt qua năm 2022 đầy khó khăn, tạo lợi nhuận và duy trì ổn định đời sống của CBNV Công ty. Đó là nhờ vào sự quyết liệt của HĐQT, Ban TGD cùng những cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể CBNV Công ty.

Năm 2023 - song hành với những khó khăn hiện nay thì đây cũng là năm mở ra nhiều cơ hội mới. HĐQT sẽ chú trọng hơn về công tác kiểm soát cũng như dự báo nhằm có sự chỉ đạo sâu sát hơn đối với Ban Điều hành; mục tiêu là phát triển kinh doanh, xây dựng hệ thống bền vững; giữ vững và phát triển nguồn vốn, hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch đề ra.

***Trân trọng báo cáo Đại hội./.***

**Nơi nhân:**

- ĐHĐCĐ thường niên 2023;
- Lưu P.TC-HC-TH.

Quy Nhơn, ngày 18 tháng 4 năm 2023

TM. BAN ĐIỀU HÀNH GIÁM ĐỐC



Ngô Minh Hải

**Biểu số 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022**

CHỈ TIÊU	Đvt	Thực hiện năm 2022		
		Thực hiện	So với kế hoạch	So với thực hiện 2021
<b>DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO</b>	Tr.đồng	978.245	49,46%	374,13%
<b>DOANH THU</b>	Tr.đồng	1.013.850	49,94%	350,09%
<b>DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA</b>	Tr.đồng	1.008.765	49,77%	351,86%
Vật liệu xây dựng	Tr.đồng	606.769		442,41%
- Trong đó: Xi-măng	Tr.đồng	135.298	53,86%	98,65%
+ Sản lượng bán ra	tấn	89.483	51,13%	84,04%
Xăng dầu	Tr.đồng	284.140	18,63%	190,01%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	100.921	7,79%	445,21%
+ Lượng bán ra	1000 lít	4.652	6,46%	262,23%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	183.219	79,66%	144,41%
+ Lượng bán ra	1000 lít	7.898	71,54%	89,48%
Thực phẩm / Nông sản	Tr.đồng	117.856	-	-
<b>D.THU D.VỤ, KHAI THÁC MẶT BẰNG</b>	Tr.đồng	5.085	156,02%	175,15%
Trong đó: Khai thác mặt bằng	Tr.đồng	4.576	140,41%	157,63%
<b>KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH</b>				
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	Tr.đồng	1.013.850	49,94%	350,09%
Giá vốn hàng bán	-	978.245	49,46%	374,13%
Chiết khấu hàng mua	-	-	0,00%	
<b>Lợi nhuận gộp</b>	-	35.605	68,32%	126,62%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	7.199	-	-
<b>Chi phí tài chính</b>	-	6.585	29,99%	-
Chi phí bán hàng	-	19.406	346,47%	89,23%
Trích lập dự phòng	-	-		
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	-	7.574	186,55%	125,75%
<b>Thu nhập khác</b>	-	531		14,41%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	-	9.741	48,70%	219,48%
Thuế phải nộp	-	2.220	55,50%	246,39%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	-	7.521	47,00%	212,63%
<b>Tỷ lợi tức cổ phần</b>	%			

**Biểu số 2: KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023**

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch năm 2023	
		Kế hoạch	So với thực hiện 2022
<b>DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO</b>	Tr.đồng	1.410.966	144,23%
<b>DOANH THU</b>	Tr.đồng	1.500.000	147,95%
<b>DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA</b>	Tr.đồng	1.494.918	148,19%
Vật liệu xây dựng	Tr.đồng	512.016	84,38%
- Trong đó: Xi-măng	Tr.đồng	251.070	185,57%
+ Sản lượng bán ra	tấn	157.000	175,45%
Xăng dầu	Tr.đồng	920.000	323,78%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	676.950	670,77%
+ Lượng bán ra	1000 lít	27.855	598,78%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	243.050	132,66%
+ Lượng bán ra	1000 lít	10.200	129,15%
Thực phẩm / Nông sản	Tr.đồng	62.903	53,37%
<b>DOANH THU D/VỤ, CHO THUÊ MẶT BẰNG</b>	Tr.đồng	5.082	99,94%
<b>KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH</b>			
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	Tr.đồng	1.500.000	147,95%
Giá vốn hàng bán	-	1.410.966	144,23%
Chiết khấu hàng mua	-	2.300	0,00%
<b>Lợi nhuận gộp</b>	-	91.334	256,52%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	6.160	85,57%
<b>Chi phí tài chính</b>	-	15.167	
Chi phí bán hàng	-	61.793	
Trích lập dự phòng	-	-	
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	-	10.000	
Thu nhập khác	-	-	
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	-	13.000	133,46%
Lợi nhuận sau thuế	-	10.400	138,28%
Lợi tức cổ phần	-	0%	-

**Biểu số 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Toàn văn Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán): *đăng tải tại trang điện tử của Công ty "petecbidico.com.vn", mục Quan hệ cổ đông/Báo cáo Tài chính.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>396.976.052.314</b>	<b>52.105.311.643</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>19.652.236.169</b>	<b>23.636.129.039</b>
1. Tiền	111	5	13.652.236.169	23.636.129.039
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	6.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>19.784.945.217</b>	<b>200.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	8.a	9.584.945.217	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	10.200.000.000	200.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>343.950.355.415</b>	<b>20.218.638.136</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	341.969.962.359	21.071.238.468
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	4.453.580.855	1.914.367.380
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	11	459.437.621	324.525.527
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(2.932.625.420)	(3.091.493.239)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>13</b>	<b>13.301.551.250</b>	<b>7.880.683.143</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.301.551.250	7.880.683.143
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>286.964.263</b>	<b>169.861.325</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	151.583.172	169.861.325
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		135.381.091	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>32.107.274.446</b>	<b>28.949.227.437</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>29.637.449.496</b>	<b>27.868.104.177</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	28.736.801.496	26.967.456.177
- Nguyên giá	222		55.858.738.412	53.062.922.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.121.936.916)	(26.095.466.037)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>954.545.455</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	17	954.545.455	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.083.875.243</b>	<b>1.046.067.352</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8.b	5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.395.189.281)	(4.432.997.172)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>431.404.252</b>	<b>35.055.908</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	431.404.252	35.055.908
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>429.083.326.760</b>	<b>81.054.539.080</b>

**Bảng cân đối kế toán**

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>357.240.152.243</b>	<b>16.431.916.084</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>357.240.152.243</b>	<b>15.931.916.084</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	114.644.921.134	1.237.456.707
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	1.119.262.278	1.203.485.781
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	2.831.909.622	1.324.115.202
4. Phải trả người lao động	314		972.253.366	2.285.176.034
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	397.785.877	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		280.303.025	325.757.576
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.a	2.734.315.562	8.875.616.791
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	233.799.270.464	29.527.078
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		460.130.915	650.780.915
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>500.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	22.b	-	500.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>71.843.174.517</b>	<b>64.622.622.996</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>71.843.174.517</b>	<b>64.622.622.996</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	17.028.679.974	17.028.679.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	14.477.024.543	7.256.473.022
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.956.473.024	3.719.221.986
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.520.551.519	3.537.251.036
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>429.083.326.760</b>	<b>81.054.539.080</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	1.013.849.929.380	289.594.208.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		29.333.333	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.013.820.596.047	289.594.208.758
4. Giá vốn hàng bán	11	26	978.244.951.898	261.473.791.257
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>35.575.644.149</u>	<u>28.120.417.501</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	7.198.668.988	362.795.484
7. Chi phí tài chính	22	28	6.584.542.993	(42.390.972)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		6.589.045.803	156.020.222
8. Chi phí bán hàng	25	29.a	19.406.396.078	21.748.629.953
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	7.573.707.812	6.023.442.075
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>9.209.666.254</u>	<u>753.531.929</u>
11. Thu nhập khác	31	30	703.539.298	3.684.937.613
12. Chi phí khác	32	31	172.585.233	324.598
13. Lợi nhuận khác	40		<u>530.954.065</u>	<u>3.684.613.015</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>9.740.620.319</u>	<u>4.438.144.944</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	2.220.068.798	900.893.908
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>7.520.551.521</u>	<u>3.537.251.036</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.862	801
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	1.862	801

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.740.620.319	4.438.144.944
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	15	2.338.119.866	1.978.581.767
- Các khoản dự phòng	03	8.b,12	(196.675.710)	295.664.972
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	27,30	(379.039.874)	(3.047.012.729)
- Chi phí lãi vay	06	28	6.589.045.803	156.020.222
<b>3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>18.092.070.404</b>	<b>3.821.399.176</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(323.556.991.662)	24.211.097.954
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.420.868.107)	(1.795.758.830)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		105.320.754.321	(212.069.029)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(378.070.191)	(41.858.732)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		(9.584.945.217)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	21,28	(6.191.259.926)	(156.020.222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(611.970.668)	(894.693.891)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(490.650.000)	(411.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(222.821.931.046)</b>	<b>24.520.496.426</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	15,17	(5.566.642.359)	(2.555.350.228)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	30	572.727.272	6.363.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,27	159.705.432	20.809.004
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(14.834.209.655)</b>	<b>(2.528.177.588)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	23	767.793.728.617	108.243.404.928
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(534.023.985.231)	(113.132.861.600)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	22.a,24	(97.495.555)	(21.556.260)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>233.672.247.831</b>	<b>(4.911.012.932)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(3.983.892.870)</b>	<b>17.081.305.906</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	23.636.129.039	6.554.823.133
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>19.652.236.169</b>	<b>23.636.129.039</b>